

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 703/TTr-TNMT ngày 13/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH J-Technology Vina, địa chỉ trụ sở chính tại Lô CN-15, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án Công ty TNHH J-Technology Vina” tại Lô CN-15, Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: “Dự án Công ty TNHH J-Technology Vina”.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH J-Technology Vina.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-15, Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 2400843329 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/7/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/09/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9886110115 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05/7/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 20/11/2020.

1.5. Mã số thuế: 2400843329.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và gia công linh kiện điện tử và viễn thông.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Lô CN-15, Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích 10.000 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

+ Khoảng 10.480.00 sản phẩm/năm, trong đó:

++ Bộ khuếch đại tín hiệu thu phát không dây sử dụng cho điện thoại di động (Wireless repeater for mobile phone): 1.440.000 sản phẩm/năm.

++ Chuông cửa màn hình: 360.000 sản phẩm/năm.

++ Bộ định tuyến (bỏ chuyển đổi tín hiệu): 360.000 sản phẩm/năm.

++ Thiết bị đầu cuối AP (thiết bị đầu cuối Wifi tại văn phòng): 360.000 sản phẩm/năm.

++ Khóa cửa điện tử: 360.000 sản phẩm/năm.

++ Thiết bị thu phí tự động: 2.400.000 sản phẩm/năm.

++ Hộp đen sử dụng trong ô tô để giám sát hành trình: 200.000 sản phẩm/năm.

++ Sản xuất và gia công bo mạch điện tử (PCB) sử dụng cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử: 5.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH J – Technology Vina được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH J – Technology Vina có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH J – Technology Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 (bảy) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Dự án Công ty TNHH J - Technology Vina” tại lô CN-15, Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH J - Technology Vina làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án Công ty TNHH J - Technology Vina” tại lô CN-15, Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ-TNMT ngày 22/9/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH J - Technology Vina được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND huyện Việt Yên, UBND xã Vân Trung, Công ty TNHH J - Technology Vina và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH J -Technology Vina (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN^{Việt Yên}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày đêm của dự án để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung do Công ty TNHH Fugiang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (Theo hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải số 168-JTECHNOLOGY-NT/2018-FG-HDDV ngày 11/12/2018 giữa Công ty TNHH J – Technology Vina và Công ty TNHH Công ty TNHH Fugiang và biên bản thỏa thuận đầu nối công trình nước thải ngày 21/7/2023 giữa Công ty TNHH J – Technology Vina và Công ty TNHH Fugiang), dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ tại 03 bể tự hoại 3 ngăn (03 bể lần lượt có thể tích là: 18m³ (hiện có); 02 bể mỗi bể có thể tích 10m³ cho khu vực mới xây) theo đường ống nhựa PVC D200 dài khoảng 133m thu về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 25m³/ngày đêm xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung bằng đường ống PVC DN200 dài 55m để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn nước tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Cụm xử lý sinh học - ASBR → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung, huyện Việt Yên.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học ASBR.

- Công suất thiết kế: 25 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng:
 - + NaClO: 200 kg/năm;
 - + Chế phẩm EM: 20 kg/năm.
 - + Hóa chất khử trùng nước thải: 150 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất.

- Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Theo dõi, giám sát nước thải tại cửa xả và nước thải sau một số khâu xử lý như: Sau bể điều hòa, bể lắng, bể xả thải để kịp thời có giải pháp điều chỉnh vận hành đảm bảo chất lượng nước xử lý đạt quy chuẩn.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mật độ vi sinh; bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh, hoá chất khử trùng.

1.4.2. Biện pháp công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác: Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục. Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố, đồng thời thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải xảy ra như 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện... sẽ ứng phó kịp thời như sau:

+ Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình.

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì máy còn lại sẽ làm việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa. Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

+ Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau:

++ Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không.

++ Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không.

+ Trang bị 2 máy bơm, vừa để sử dụng dự phòng trong trường hợp máy bơm chính gặp sự cố, vừa để bơm kết hợp với máy bơm chính trong trường hợp cần bơm với lưu lượng lớn hơn.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25m³/ngày đêm: Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Dự án Công ty TNHH J-Technology Vina” tại Giấy xác nhận số 563/GXN-TNMT ngày 10/03/2020 nên Chủ dự án không thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, huyện Việt Yên (do Công ty TNHH Fugiang làm chủ đầu tư). Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã

được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn sản phẩm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Dự án có 01 dòng khí thải sau 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn sản phẩm.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống thu gom, xử lý khí thải công đoạn hàn.

Tọa độ vị trí phát sinh: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0 : X= 2350326; Y= 409609.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $3.500\text{m}^3/\text{giờ}$, tương đương $42.000\text{m}^3/\text{ngày}$ (thời gian làm việc 12 giờ/ngày).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (12 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B) | Quan trắc môi trường định kỳ |
|-----|--------------------------------|--------------------|---|---|
| 1 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | 200 | Căn cứ theo khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải. |
| 2 | CO | mg/Nm ³ | 1000 | |
| 3 | Đồng và hợp chất, tính theo Cu | mg/Nm ³ | 10 | |
| 4 | NO _x | mg/Nm ³ | 850 | |
| 5 | SO ₂ | mg/Nm ³ | 500 | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn: Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ 14 ống $\Phi 110$, $\Phi 200$ thu khí trên 14 điểm phát sinh qua hệ thống ống hút bằng giấy bạc (gồm 01 ống $\Phi 110$ và 13 ống $\Phi 200$) có tổng chiều dài 35m dẫn về 01 thiết bị xử lý khí thải (tủ than hoạt tính có kích thước: dài x rộng x cao: 1200mmx800mmx800mm) có tổng công suất 3.500 m³/giờ sau đó thoát ra 01 ống khói bằng tôn mạ kẽm D300 cao 3m tính từ đỉnh mái xưởng (hệ thống xử lý khí thải được đặt trên đỉnh mái nhà xưởng).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Bụi, khí thải từ quá trình hàn → Ống thu khí → Hệ thống dẫn khí → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói → Môi trường (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải: 3.500 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải: Than hoạt tính: 600 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.3.2. Biện pháp ứng phó:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn ($3.500\text{m}^3/\text{giờ}$): Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Dự án Công ty TNHH J-Technology Vina” tại Giấy xác nhận số 563/GXN-TNMT ngày 10/03/2020 nên Chủ dự án không thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất của dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 vị trí tại giữa khu vực nhà xưởng sản xuất.

Tọa độ vị trí phát sinh: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0 : X= 2350389; Y= 409662.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn hiện hành (QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc), cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

| TT | Từ 6-21 giờ (dBA) | Từ 21 - 6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|----------------------|------------------------|-------------------------------|----------------------|
| 1 | 85 | 85 | - | Khu vực thông thường |

- Độ rung:

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, m/s^2 | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|--|---------------------|-------------------------------|----------------------|
| | Từ 6 giờ-21 giờ | Từ 21 giờ đến 6 giờ | | |
| 1 | 1,4 | 1,4 | - | Khu vực thông thường |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và bôi trơn định kỳ.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Các máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Trồng cây xanh trên hành lang, sát tường rào, khu đất trống, vừa tăng cường cảnh quan vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng chung loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: khoảng 2.966 kg/năm, gồm:

| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/tháng) | Mã CTNH |
|-----------|---|---------------------------|------------------------------|----------------|
| 1 | Bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng | Rắn | 03 | 16 01 06 |
| 2 | Tụ điện thải có PCB | Rắn | 550 | 19 02 06 |
| 3 | Vỏ thùng, can đựng hóa chất, cặn thải | Rắn | 550 | 18 01 03 |
| 4 | Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại (nhiễm dầu, mỡ) | Rắn | 20 | 18 02 01 |
| 5 | Dầu mỡ thải | Lỏng | 30 | 16 01 08 |
| 6 | Hộp mực in thải | Rắn | 03 | 08 02 04 |
| 7 | Mực in thải | Lỏng | 01 | 08 02 01 |
| 8 | Thiếc thải từ quá trình hàn | Rắn | 880 | 07 04 01 |
| 9 | Than hoạt tính thải đã qua sử dụng | Rắn | 600 | 12 01 04 |
| 10 | Dung môi thải | Lỏng | 328 | 19 05 04 |
| | Tổng cộng: | | 2.966 | |

1.2. Khối lượng, chung loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 1.152,54 kg/năm gồm:

| STT | Tên chất thải rắn | Đơn vị | Khối lượng |
|------------|---|---------------|-------------------|
| 1 | Phế liệu mạch xanh | kg/năm | 4,895 |
| 2 | Phế liệu nhựa (nhựa PET trắng đục, hộp nhựa trắng, nhựa khay đen, nhựa pét trong, | kg/năm | 78,188 |

| | | | |
|---|---|--------|----------|
| | nhựa đĩa xanh, ...) | | |
| 3 | Nguyên liệu và sản phẩm lỗi hỏng chiếm 1% đầu vào | kg/năm | 966 |
| 4 | Bao bì carton, nilon hỏng, ... | kg/năm | 103,235 |
| 5 | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt | kg/năm | 0,2 |
| | Tổng | kg/năm | 1.152,54 |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 90kg/ngày, rác thải sinh hoạt chủ yếu như túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy ăn, bã chè...phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng và nhà ăn.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 11 thùng bằng nhựa có nắp đậy dung tích 50 lít/thùng, được đặt trên các panet kín bằng nhựa bên dưới dải cát phòng ngừa sự cố lưu giữ chất thải nguy hại tại khu vực kho chứa chất thải nguy hại.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 2 tuần/lần).

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 11 m² (kích thước 5,5x2m), được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo. Nền có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, rãnh và hố thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố tràn chất thải lỏng. Chiều cao công trình 3,8m.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sản xuất

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 14 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa với dung tích 45-50lít/thùng (trong đó 04 loại 40l; 10 loại 45l) tại các khu vực sản xuất chia đều cho các xưởng.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 02 tuần/lần).

2.2.2. Kho chứa chất thải sản xuất:

- Diện tích kho chứa: khoảng 11 m² (kích thước 5,5x2m) được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế: Kho xây dựng khép kín, tường bao gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 3,8m.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Công ty bố trí 10 thùng nhựa chứa rác dung tích 20 lít/thùng có nắp đậy ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn,....

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 02 tuần/lần).

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 11 m² (kích thước 5,5x2m), được bố trí bên cạnh nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho xây dựng khép kín, tường bao gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 3,8m.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động sản xuất khi xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Công ty TNHH J – Technology Vina (Chủ dự án) có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải (công suất 25 m³/ngày đêm) để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án và các đơn vị thuê xưởng đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, huyện Việt Yên (do Công ty TNHH Fugiang làm Chủ đầu tư) đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 703/TTr-TNMT ngày 13/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường./.